

Bản án số: **04/2023/HS-PT.**

Ngày: 30/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Tăng.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Thuấn và bà Dương Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Trúc Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 13/2023/TLPT-HS ngày 17 tháng 02 năm 2023, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2023/HS-ST ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thanh T; sinh ngày 05/7/1977 tại tỉnh K Tum. Nơi đăng ký HKTT: Tổ 8 phường Qu Tr, TP.K T, tỉnh K T. Nơi ở: Khu 2, làng I, xã P Y, huyện Ng H, tỉnh K T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Thanh T (đã chết) và Nguyễn Thị T, sinh năm 1958; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1981 (đã ly hôn) và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 16/12/2009 bị Tòa án nhân dân huyện T M R, tỉnh K T tuyên phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 24/9/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố K T tuyên phạt 20 (hai mươi) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 31/5/2015, bị cáo chấp hành xong án phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/8/2022 cho đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 14/10/2001, tại nhà ông Nguyễn Đức H (sinh năm: 1957;

trú tại: thôn 1A, xã Đăk La, huyện Đ H, tỉnh K T, hiện nay ông H đã chết) có ông H, Nguyễn B (sinh năm 1975, trú tại: thôn 1A, xã Đ L, huyện Đ H, tỉnh K T, hiện nay ông B đã chết), Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Văn H cùng ngồi uống rượu. Trong quá trình uống rượu Nguyễn B có xin ít thức ăn để về nhà uống rượu tiếp; lúc này, H nói “mày nhậu rồi mà mày còn xin mãi về nữa à”. Sau đó, giữa B và H có to tiếng với nhau. Nguyễn B tức giận bỏ đi về, khi ra đến cổng B có nói vọng vào “địt mẹ tụi bay đừng khinh tao, tao chờ tụi bay ở đầu dốc”. Sau đó, Nguyễn B đi đến nhà Nguyễn Thanh T và gặp T ở cổng. Bé kể cho T nghe lại sự việc tại nhà ông H và nhờ T đi đánh H rồi Bé sẽ cho T tiền. B và T bàn bạc cách đánh H để không ai biết bằng cách B sẽ vào nhà ông H rủ ông H, ông Th cùng về, mục đích để T đánh ông H; Tú sẽ núp trong bụi le gần nhà ông H chờ khi bọn H trên đường về B sẽ ra tín hiệu để T khởi đánh nhằm người. T đồng ý. Sau đó, B quay lại nhà ông H và nói với mọi người “lúc trước do em uống rượu say nên nóng có chửi bậy, các anh thông cảm” rồi cùng uống rượu tiếp. Còn T đi bẻ một cây mì tươi (hay còn gọi là cây sắn) dài khoảng 1m, có đường kính khoảng 3cm ở ven đường rồi đi đến bụi le gần nhà H ngồi chờ. Khoảng 21 giờ cùng ngày, sau khi uống rượu xong B nói: “thôi uống hết rượu rồi, anh Th, anh H về chung cho vui”. Lúc này, B đi trước, H dắt xe đạp đi giữa, Th dắt xe đạp đi sau cùng. Khi đi đến bụi le nơi B đã biết T núp sẵn từ trước, B gọi “Th ơi” Th trả lời “ơi”, T núp trong bụi le đã xác định được H là người đi ở giữa nên lao đến chỗ H dùng cây mì tươi đánh liên tiếp 03 cái vào người H, cái thứ nhất trúng vào vùng mặt phía bên trái, cái thứ hai vào vai và cái thứ ba vào chân của Hiếu. Sau khi đánh H xong Tú vứt cây mì và bỏ chạy về nhà; H bị thương được đưa đi cấp cứu. Ngày 20/01/2002, Nguyễn Văn H làm đơn yêu cầu điều tra gửi Công an huyện Đ H, tỉnh K T.

* Quá trình điều tra, truy tố Nguyễn Thanh T, Nguyễn B đều thừa nhận hành vi phạm tội.

* Tại Bản giám định pháp y số 100/GĐ-PY ngày 23/01/2002 của Tổ chức Giám định pháp y thuộc UBND tỉnh K T kết luận đối với thương tích của Nguyễn Văn H:

- + Thị lực mắt trái 1/20
- + Tỷ lệ thương tật toàn bộ là: 22% (Hai mươi hai phần trăm).
- + Xếp hạng thương tật: - Tạm thời: 22% (Tạm thời).

* Ngày 25/01/2002, Công an huyện Đ H ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thanh T, Nguyễn B về tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe người khác” quy định tại điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Ngày 11/3/2002 ra lệnh bắt, tạm giam bị can đối với B, T về tội danh nêu trên. Nguyễn B bị bắt ngày 20/3/2002, đến ngày 09/4/2002, B được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang bảo lãnh. Sau đó, xác định được Nguyễn Thanh T không có mặt tại địa phương nên ngày 15/5/2002, Công an huyện Đ H đã ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Thanh T. Ngày 25/5/2002, Công an huyện Đ H đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Nguyễn B và Nguyễn Thanh T.

* Ngày 29/8/2022, Nguyễn Thanh T ra đầu thú. Ngày 07/9/2022 cơ quan CSĐT Công an huyện Đ H ra quyết định phục hồi điều tra vụ án, phục hồi điều tra đối với Nguyễn Thanh T.

* Đối với Nguyễn B: Hành vi của Nguyễn B là do mâu thuẫn trong quá trình cùng uống rượu tại nhà ông Nguyễn Đức H nên đã nhờ và hứa sẽ cho Nguyễn Thanh T tiền, sau đó cùng T bàn bạc cách đánh Nguyễn Văn H; T đã dùng 01 cây mì tươi đánh ông Nguyễn Văn H gây nên tổng thương tích 22%. Vì vậy, ngày 25/01/2002, Công an huyện Đ H đã khởi tố bị can đối với Nguyễn B về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Tuy nhiên, quá trình điều tra Nguyễn B đã chết vào ngày 04/6/2019 do bệnh tật nên ngày 24/10/2022, cơ quan CSĐT Công an huyện Đ H đã ra quyết định đình chỉ điều tra bị can đối với Nguyễn B theo khoản 7 Điều 157 BLTTHS.

* Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKSĐH ngày 10/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H, tỉnh K T đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

*** Với nội dung trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum đã quyết định:**

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thanh T** phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh T: **04 (Bốn) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo ngày 29/8/2022.

* Ngày 30 tháng 01 năm 2023, bị cáo Nguyễn Thanh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm như sau:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thanh T; sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh K T theo hướng không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Có tính chất côn đồ*” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 mà đưa tình tiết này vào tình tiết định khung hình phạt tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; không áp dụng tình tiết định khung phạm tội “*Có tổ chức*” tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 và áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “*đầu thú*” quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Đồng thời đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù.

- *Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh T giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Tòa án cấp sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh T đảm bảo về thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định tại các Điều 331, 332 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, kháng cáo của bị cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai nhận tội bị cáo Nguyễn Thanh T. Do đó, có đủ cơ sở để xác định:

Vào chiều ngày 14/10/2001, do mâu thuẫn trong lúc cùng uống rượu với Nguyễn Văn H nên Nguyễn B đã đi đến nhà Nguyễn Thanh T nhờ bị cáo T đánh ông Nguyễn Văn H giúp B, B sẽ cho tiền nhưng B không nói cụ thể là bao nhiêu. Sau khi cùng bàn bạc thì Nguyễn B đến rủ ông H đi về và đi qua địa điểm đã định trước mà bị cáo T đã nấp sẵn để Nguyễn Thanh T dùng 01 cây mì tươi đánh ông H gây nên tổng tỷ lệ thương tích là 22% (tạm thời).

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Thanh T và Nguyễn B có tính chất đồng phạm có thông mưu trước. Trong đó, Nguyễn B với vai trò là người chủ mưu, khởi xướng, chỉ dẫn; còn Nguyễn Thanh T là người thực hành trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, mặc dù không có mâu thuẫn gì với ông Nguyễn Văn H nhưng khi được Nguyễn B nhờ đánh ông H và hứa sẽ cho tiền thì bị cáo T đồng ý và chuẩn bị công cụ là cây mì tươi dài 01 mét, đường kính 03 cm là hung khí nguy hiểm để đánh ông H.

Hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 với các tình tiết định khung là: “*dùng hung khí nguy hiểm; được thuê gây thương tích cho người khác và có tính chất côn đồ*”.

Bị cáo phạm tội vào ngày 14/10/2001 là thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố xét xử vụ án thì Bộ luật hình sự năm 2015 đã có hiệu lực. So sánh khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự 1999 có mức hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù với điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt từ 02 năm đến 06 năm tù thì mức hình phạt tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 là nhẹ hơn. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 để áp dụng

quy định có lợi cho bị cáo theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 như bản án sơ thẩm phù hợp.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thanh T, thấy rằng:

Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả của tội phạm, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” ; “bồi thường khắc phục hậu quả” và “bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo” quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra, xét cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “Đầu thú” quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

Xét thấy, mặc dù không quen biết hay có mâu thuẫn gì đối với ông Nguyễn Văn H nhưng khi được Nguyễn B thuê đánh ông H thì Tú đồng ý ngay và đã thực hiện hành vi gây thương tích cho ông H; thể hiện thái độ coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp “ *Có tính chất côn đồ* ”.

Tuy nhiên, đây là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 nhưng Bản án sơ thẩm lại chuyển sang tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 là không đúng với quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự: “...2. *Các tình tiết đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng*”.

Đồng thời cũng đánh giá về tình tiết định khung hình phạt là phạm tội “*Có tổ chức*” mà bản án sơ thẩm đã áp dụng, thấy rằng:

Việc Nguyễn B thuê Nguyễn Thanh T để gây thương tích cho anh H chỉ là sự gặp gỡ nhanh chóng và hai người có bàn bạc về cách để đánh H; việc phạm tội của T và B không mang tính quy mô, không có sự câu kết chặt chẽ, không đòi hỏi phải tính toán kỹ lưỡng, chi tiết về phương thức gây án, về công cụ, phương tiện phạm tội...Giữa B và T là phạm tội có tính chất đồng phạm có thông mưu trước; trong đó B là *người chủ mưu, khởi xướng, chỉ dẫn* còn T là *người thực hành*; T chỉ bẻ cây mì tươi ở ven đường đi để đánh H chứ không có sự chuẩn bị, lựa chọn kỹ càng công cụ phạm tội và hai bên cũng không bàn bạc chi tiết. Vì vậy, trường hợp đồng phạm của B và T không phải là phạm tội “*Có tổ chức*” theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung này đối với bị cáo là chưa phù hợp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm đã áp dụng các dấu hiệu định khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối bị cáo Nguyễn Thanh T có phần chưa chính xác dẫn đến việc quyết định hình phạt 04 năm tù đối bị cáo là có phần nặng. Vì vậy, xét cần chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thanh Tú; sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên HĐXX không đề cập xem xét.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh T được chấp nhận; sửa bản án sơ thẩm nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thanh T.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Kon Tum.

2. Căn cứ Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh T: **03 (ba) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 29/8/2022).

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 135; 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 3; Điều 6; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 30/3/2023).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà;
- VKSND huyện Đắk Hà;
- Công an huyện Đắk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đắk Hà;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Tăng